

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA SEN**

**ĐỀ ÁN
TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
Năm 2017**

Tháng 03 năm 2017

MỤC LỤC

I. Thông tin chung về trường	1
1) Trường, sứ mệnh và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường	1
2) Quy mô đào tạo	2
3) Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất	2
II. Các thông tin tuyển sinh của năm 2017	7
1) Đối tượng tuyển sinh	7
2) Phạm vi tuyển sinh	7
3) Phương thức tuyển sinh	7
4) Chỉ tiêu tuyển sinh	7
5) Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận đăng ký xét tuyển	8
6) Các thông cần thiết khác để thí sinh đăng ký xét tuyển vào các ngành của trường	10
7) Tổ chức tuyển sinh	13
8) Chính sách ưu tiên	15
9) Lệ phí xét tuyển	15
10) Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình đăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)	15
11) Công tác kiểm tra và giải quyết các khiếu nại, tố cáo liên quan	15
III. Điều kiện đảm bảo chất lượng	16
1) Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:	16
2) Danh sách giảng viên cơ hữu	17
IV. Tình hình việc làm	18

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2017

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành kèm theo quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Đề án tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận theo Công văn số 2398/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 25/5/2016;

Căn cứ kết quả tuyển sinh 5 năm qua của trường Đại học Hoa Sen và thực tế việc thực hiện tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy theo Đề án tuyển sinh riêng của trường năm 2016;

Trường Đại học Hoa Sen xây dựng Đề án tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy năm 2017 như sau:

I. Thông tin chung về trường

1) Trường, sứ mệnh và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường

Trường Đại học Hoa Sen có 2 cơ sở chính tại số 8 Nguyễn Văn Tráng, Quận 1 và tại lô 10 Công viên phần mềm Quang Trung, Q.12, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ trang thông tin điện tử của trường là www.hoasen.edu.vn. Tiền thân của trường Đại học Hoa Sen là Trường Nghiệp vụ Tin học và Quản lý Hoa Sen, được thành lập năm 1991 với nhiệm vụ thử nghiệm mô hình đào tạo mới ở bậc học Kỹ thuật viên và Kỹ thuật viên cao cấp. Sau thời gian tự khẳng định về chất lượng đào tạo, ngày 11/10/1994, trường chuyển thành trường Cao đẳng bán công Hoa Sen, tự chủ tài chính. Năm học 2004-2005, Trường triển khai dự án phát triển Trường Cao đẳng bán công Hoa Sen thành trường Đại học Hoa Sen, hoạt động theo cơ chế tự thực. Đến ngày 30/11/2006, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng đã ký quyết định số 274/2006/QĐ - TTg đồng ý thành lập trường Đại học Hoa Sen. Trường chính thức hoạt động giáo dục đại học theo cơ chế tự thực, Điều lệ trường đại học và theo Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường, một trong các nguyên tắc cơ bản về tổ chức và hoạt động của trường là trường hoạt động theo cơ chế phi lợi nhuận theo Nghị quyết của Chính phủ số 05/2005/NQ-CP ngày 18-04-2005 về đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa và thể dục thể thao.

Trường Đại học Hoa Sen xác định tầm nhìn là trường đại học Việt Nam khẳng định vị thế hàng đầu về chất lượng giáo dục, đào tạo và nghiên cứu phục vụ cộng đồng được Việt Nam và quốc tế công nhận. Trên cơ sở đó, sứ mệnh của Trường là tạo cơ hội bình đẳng về giáo dục; đào tạo những con người có khả năng thích nghi, học tập suốt đời và có năng lực để cạnh tranh lâu dài trong môi trường toàn cầu luôn biến đổi; góp phần vào sự phát triển nhanh, bền vững và tính nhân bản của kinh tế, xã hội Việt Nam và khu vực.

2) Quy mô đào tạo

Khối ngành	Quy mô hiện tại	
	Giáo dục chính quy: số học viên cao học(CH), số sinh viên đại học (ĐH), cao đẳng (CĐ)	Giáo dục thường xuyên
Khối ngành I	-	-
Khối ngành II	355 ĐH	-
Khối ngành III	15 CH; 5400 ĐH; 447 CĐ	-
Khối ngành IV	-	-
Khối ngành V	675 ĐH;	-
Khối ngành VI	-	-
Khối ngành VII	1088 ĐH;	-
Tổng	7980 (toàn trường); 15 CH; 7518 ĐH; 447 CĐ	-

3) Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

3.1) Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất

a. Phương thức tuyển sinh năm 2015: có 5 phương thức như sau:

a.1. Xét tuyển trên kết quả kỳ thi Trung học phổ thông quốc gia (phương thức 1):

- Đạt điều kiện sơ tuyển và tổng điểm của 3 môn xét tuyển theo kết quả của kỳ thi Trung học phổ thông (THPT) quốc gia đạt mức tối thiểu đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT).
- Ngành xét tuyển: Tất cả các ngành bậc đại học (trừ 3 ngành Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ họa, Thiết kế nội thất thuộc nhóm ngành Mỹ thuật ứng dụng) và bậc cao đẳng.

a.2. Xét tuyển kết hợp giữa kết quả kỳ thi THPT quốc gia và môn năng khiếu (phương thức 2):

- Đạt điều kiện sơ tuyển, từng môn xét tuyển theo kết quả của kỳ thi THPT quốc gia đạt mức tối thiểu đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ GDĐT (nếu có qui định).
- Ngành xét tuyển: 3 ngành thuộc nhóm ngành Mỹ thuật ứng dụng.

a.3. Xét tuyển trên kết quả học tập 3 năm THPT và chứng chỉ Anh văn quốc tế (phương thức 3):

- Các ngành bậc đại học: có điểm trung bình cộng 3 năm lớp 10, 11, 12 từ 6.0 trở lên và có chứng chỉ IELTS (Academic) từ 6.5 trở lên hoặc TOEFL iBT từ 89 trở lên. Đối với 3 ngành thuộc nhóm ngành Mỹ thuật ứng dụng, có xét thêm năng khiếu.
- Các ngành bậc cao đẳng: có điểm trung bình cộng 3 năm lớp 10, 11, 12 từ 5.5 trở lên và có chứng chỉ IELTS (Academic) từ 6.0 trở lên hoặc TOEFL iBT từ 80 trở lên.

a.4. Xét tuyển trên kết quả học tập 3 năm THPT chuyên và bài luận (phương thức 4):

- Học sinh giỏi 3 năm tại trường THPT chuyên, hạnh kiểm xếp loại tốt và bài luận (nêu rõ mục tiêu học tập, nghề nghiệp và lý do tại sao chọn trường Đại học Hoa Sen).
- Ngành xét tuyển: Tất cả các ngành bậc đại học và cao đẳng.

a.5. Xét tuyển trên kết quả học tập 3 năm THPT và phỏng vấn, tùy ngành (phương thức 5):

- Đạt điểm trung bình cộng 3 năm lớp 10, 11, 12 đạt từ 5.5 trở lên và điểm phỏng vấn (bắt buộc đối với tất cả thí sinh đăng ký ngành Quản trị văn phòng và các thí sinh ngành khác có điểm trung bình cộng 3 năm THPT bằng nhau dẫn đến vượt chỉ tiêu).
- Ngành xét tuyển: Các ngành bậc cao đẳng.

b. Phương thức tuyển sinh năm 2016: có 5 phương thức như sau:

b.1. Xét tuyển trên kết quả Kỳ thi Trung học phổ thông quốc gia năm 2016 (phương thức 1)

- Có tổng điểm 3 môn xét tuyển theo kết quả của kỳ thi THPT quốc gia đạt mức ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào đại học do Bộ GDĐT quy định.
- Ngành xét tuyển: Tất cả các ngành bậc đại học và cao đẳng. Riêng 3 ngành Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ họa, Thiết kế nội thất (gọi chung là các ngành thuộc nhóm ngành Mỹ thuật ứng dụng) có xét tuyển thêm kết quả năng khiếu của thí sinh.

b.2. Xét tuyển trên kết quả học tập 3 năm THPT của môn Ngữ văn, Lịch sử có sơ tuyển năng khiếu trước/khi xét tuyển (phương thức 2)

- Đạt điều kiện sơ tuyển năng khiếu và có điểm trung bình học bạ của môn Ngữ Văn và Lịch sử trong 3 năm lớp 10, 11, 12 đạt từ 6.0 điểm trở lên.
- Ngành xét tuyển: 3 ngành thuộc nhóm ngành Mỹ thuật ứng dụng bậc đại học.

b.3. Xét tuyển trên kết quả học tập 3 năm THPT và chứng chỉ Anh văn quốc tế (phương thức 3)

- Các ngành bậc đại học: có điểm trung bình cộng 3 năm lớp 10, 11, 12 từ 6.0 trở lên và có chứng chỉ IELTS (Academic) từ 6.5 trở lên hoặc TOEFL iBT từ 89 trở lên. Đối với 3 ngành thuộc nhóm ngành Mỹ thuật ứng dụng có xét thêm môn năng khiếu.
- Các ngành bậc cao đẳng: có chứng chỉ IELTS (Academic) từ 6.0 trở lên hoặc TOEFL iBT từ 80 trở lên.

b.4. Xét tuyển trên kết quả học tập 3 năm THPT và bài luận (phương thức 4)

- Học sinh giỏi 3 năm THPT, hạnh kiểm xếp loại tốt và bài luận (nêu rõ mục tiêu học tập, nghề nghiệp và lý do tại sao chọn trường Đại học hoa Sen).
- Ngành xét tuyển: Tất cả các ngành bậc đại học và cao đẳng.

b.5. Xét tuyển trên kết quả học tập 3 năm THPT và phỏng vấn, nếu có (phương thức 5)

- Hội đồng tuyển sinh sẽ quyết định việc phỏng vấn (nếu có) đối với các thí sinh có điểm trung bình cộng 3 năm lớp 10, 11, 12 bằng nhau dẫn đến vượt chỉ tiêu.
- Ngành xét tuyển: Tất cả các ngành bậc cao đẳng.

3.2) Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (lấy từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia)

(Các chữ viết tắt cho bảng thống kê như sau: NV: Nguyễn vọng, NVBS: Nguyễn vọng bổ sung)

Nhóm ngành/ Ngành	Năm tuyển sinh 2015			Năm tuyển sinh 2016		
	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển của các tổ hợp môn	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển của các tổ hợp môn
Khối ngành II						
Thiết kế thời trang (D210404)	40	13	H00, H01, H02, H03: 15.00 (NV1, NVBS1 và NVBS2)	30	25	H00, H01, H03: 15.00 (NV1, NVBS1 và NVBS2) H02: 18.00 hệ số 2 môn Trang trí màu (NV1, NVBS1 và NVBS2)
Thiết kế đồ họa (D210403)	100	49	H00, H01, H02, H03: 15.00 (NV1, NVBS1 và NVBS2)	50	53	H00, H01, H03: 15.00 (NV1, NVBS1 và NVBS2) H02: 18.00 hệ số 2 môn Trang trí màu (NV1, NVBS1 và NVBS2)
Thiết kế nội thất (D210405)	60	9	H00, H01, H02, H03: 15.00 (NV1, NVBS1 và NVBS2)	40	27	H00, H01, H03: 15.00 (NV1, NVBS1 và NVBS2) H02: 18.00 hệ số 2 môn Trang trí màu (NV1, NVBS1 và NVBS2)
Khối ngành III						
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (D340103)	100	116	A00, A01, D01, D03, D09: 15.00 (NV1)	100	78	A00, A01, D01, D03, D09: 15.00 (NV1, NVBS1 và NVBS2)
Quản trị khách sạn (D340107)	180	273	A00, A01, D01, D03, D09: 17.00 (NV1 và NVBS1)	200	265	A00, A01, D01, D03, D09: 15.00 (NV1, NVBS1 và NVBS2)
Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống (D340109)	120	133	A00, A01, D01, D03, D09: 16.00 (NV1)	120	120	A00, A01, D01, D03, D09: 15.00 (NV1, NVBS1 và NVBS2)
Kế toán (D340301)	160	236	A00, A01, D01, D03, D09: 18.00 (NV1)	160	117	A00, A01, D01, D03, D09: 15.00 (NV1, NVBS1 và NVBS2)

Nhóm ngành/ Ngành	Năm tuyển sinh 2015			Năm tuyển sinh 2016		
	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển của các tổ hợp môn	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển của các tổ hợp môn
Quản trị kinh doanh (D340101)	200	246	A00, A01, D01, D03, D09: 17.00 (NV1)	200	306	A00, A01, D01, D03, D09: 15.00 (NV1, NVBS1 và NVBS2)
Marketing (D340115)	160	311	A00, A01, D01, D03, D09: 17.00 (NV1, NVBS1)	200	269	A00, A01, D01, D03, D09: 15.00 (NV1, NVBS1 và NVBS2)
Quản trị nhân lực (D340404)	140	200	A00, A01, D01, D03, D09: 15.00 (NV1, NVBS1 và NVBS2)	160	115	A00, A01, D01, D03, D09: 15.00 (NV1, NVBS1 và NVBS2)
Tài chính - Ngân hàng (D340201)	100	141	A00, A01, D01, D03, D09: 15.00 (NV1)	100	131	A00, A01, D01, D03, D09: 15.00 (NV1, NVBS1 và NVBS2)
Kinh doanh quốc tế (D340120)	180	248	A00, A01, D01, D03, D09: 18.00 (NV1)	180	319	A00, A01, D01, D03, D09: 15.00 (NV1, NVBS1 và NVBS2)
Quản trị công nghệ truyền thông (D340409)	100	103	A00, A01, D01, D03, D09: 16.00 (NV1)	100	117	A00, A01, D01, D03, D09: 15.00 (NV1, NVBS1 và NVBS2)
Hệ thống thông tin quản lý (D340405)	60	22	A00, A01, D01, D03, D07: 15.00 (NV1, NVBS1, NVBS2)	60	8	A00, A01, D01, D03, D07: 15.00 (NV1, NVBS1 và NVBS2)
Khối ngành V						
Công nghệ thông tin (D480201)	160	174	A00, A01, D01, D03, D07: 15.00 (NV1, NVBS1, NVBS2)	160	139	A00, A01, D01, D03, D07: 15.00 (NV1, NVBS1 và NVBS2)

Nhóm ngành/ Ngành	Năm tuyển sinh 2015			Năm tuyển sinh 2016		
	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển của các tổ hợp môn	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển của các tổ hợp môn
Truyền thông và mạng máy tính (D480102)	80	29	A00, A01, D01, D03, D07: 15.00 (NV1, NVBS1, NVBS2)	60	16	A00, A01, D01, D03, D07: 15.00 (NV1, NVBS1 và NVBS2)
Toán ứng dụng (D460112)	40	23	A00, A01, D01, D03, D07: 19.00 hệ số 2 môn Toán (NV1, NVBS1, NVBS2):	60	19	A00, A01, D01, D03, D07: 18.00 hệ số 2 môn Toán (NV1, NVBS1 và NVBS2)
Công nghệ kỹ thuật môi trường (D510406)	60	30	A00, B00, D07, D08: 15.00 (NV1, NVBS1 và NVBS2)	60	20	A00, B00, D07, D08: 15.00 (NV1, NVBS1 và NVBS2)
Kỹ thuật phần mềm (D480103)	90	63	A00, A01, D01, D03, D07: 15.00 (NV1, NVBS1, NVBS2)	90	47	A00, A01, D01, D03, D07: 15.00 (NV1, NVBS1 và NVBS2)
Khối ngành VII						
Ngôn ngữ Anh (D220201)	200	313	A00, B00, D07, D08: 22.00 hệ số 2 môn tiếng Anh (NV1)	260	424	D01, D14, D09, D15: 20.00 hệ số 2 môn tiếng Anh (NV1, NVBS1 và NVBS2)
Quản lý tài nguyên và môi trường (D850101)	100	61	A00, A01, B00, D01, D03: 15.00 (NV1, NVBS1, NVBS2)	100	40	A00, A01, B00, D01, D03: 15.00 (NV1, NVBS1 và NVBS2)
Tổng	2430	2793		2490	2655	

II. Các thông tin tuyển sinh của năm 2017

Sau 2 năm thực hiện đề án tuyển sinh riêng, Hội đồng tuyển sinh trường Đại học Hoa Sen đã có các đánh giá, nhận xét và rút kinh nghiệm. Trường thực hiện nghiêm túc, đúng quy định, đảm bảo sự công bằng và minh bạch thông tin ở các khâu trong công tác tuyển sinh của trường. Năm 2017, trường có một số điều chỉnh và đưa ra các thông tin tuyển sinh năm 2017 của trường như sau:

1) Đối tượng tuyển sinh

Trường tuyển sinh đối với các thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GDĐT và có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành; đối với người khuyết tật được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận, Hiệu trưởng trường sẽ xem xét, quyết định cho dự tuyển sinh vào các ngành học phù hợp với tình trạng sức khỏe.

Tùy theo phương thức tuyển sinh của trường, thí sinh sẽ có thêm yêu cầu về điều kiện tuyển sinh phù hợp cho từng phương thức.

2) Phạm vi tuyển sinh

Trường tổ chức tuyển sinh trong phạm vi cả nước, không giới hạn độ tuổi và năm tốt nghiệp của thí sinh tham gia tuyển sinh vào trường.

3) Phương thức tuyển sinh

Năm 2017, trường tổ chức tuyển sinh bằng cách xét tuyển, theo các phương thức tuyển sinh như sau:

3.1) Phương thức 1: Xét tuyển trên kết quả Kỳ thi Trung học phổ thông quốc gia năm 2017 đối với các ngành, nhóm ngành tuyển sinh bậc đại học, trừ 3 ngành: Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ họa, Thiết kế nội thất.

3.2) Phương thức 2: Xét tuyển trên Kết quả học tập (Học bạ) Trung học phổ thông đối với các ngành, nhóm ngành tuyển sinh bậc đại học, trừ 3 ngành: Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ họa, Thiết kế nội thất.

3.3) Phương thức 3: Xét tuyển trên các điều kiện theo yêu cầu của trường đối với các ngành, nhóm ngành tuyển sinh bậc đại học.

4) Chỉ tiêu tuyển sinh

Trường tuyển sinh 24 ngành bậc đại học với 2510 chỉ tiêu, trong đó có 3 nhóm ngành. Chi tiết các ngành, nhóm ngành và chỉ tiêu như sau:

Ngành, nhóm ngành bậc đại học	Mã ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu
▪ Toán ứng dụng	52460112	60
▪ Nhóm ngành Công nghệ thông tin và truyền thông (*)	5248	340
+ Truyền thông và mạng máy tính		
+ Kỹ thuật phần mềm		
+ Công nghệ thông tin		
+ Hệ thống thông tin quản lý		
▪ Nhóm ngành Môi trường (*)	5285	160
+ Công nghệ kỹ thuật môi trường		
+ Quản lý tài nguyên và môi trường		
▪ Công nghệ thực phẩm	52540101	60
▪ Tâm lý học	52310401	60

Ngành, nhóm ngành bậc đại học	Mã ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu
▪ Marketing	52340115	200
▪ Kinh doanh quốc tế	52340120	200
▪ Tài chính – Ngân hàng	52340201	100
▪ Kế toán	52340301	80
▪ Nhóm ngành Quản trị - Quản lý (*)	5234	410
+ Quản trị kinh doanh		
+ Quản trị nhân lực		
+ Hệ thống thông tin quản lý		
+ Quản trị văn phòng		
▪ Quản trị công nghệ truyền thông	52340409	100
▪ Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	52340103	80
▪ Quản trị khách sạn	52340107	160
▪ Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	52340109	120
▪ Ngôn ngữ Anh	52220201	260
▪ Thiết kế đồ họa	52210403	50
▪ Thiết kế thời trang	52210404	30
▪ Thiết kế nội thất	52210405	40

(*) Đăng ký xét tuyển và xét điểm trúng tuyển theo từng nhóm ngành. Việc phân ngành của các nhóm ngành được thực hiện trong quá trình học trên cơ sở kết quả học tập và nguyện vọng của sinh viên.

Đối với từng phương thức tuyển sinh, trường có kế hoạch phân bổ chỉ tiêu của ngành, nhóm ngành cho từng phương thức như sau:

- Phương thức 1: 1500 chỉ tiêu (khoảng 60% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh)
- Phương thức 2: 600 chỉ tiêu (khoảng 25% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh)
- Phương thức 3: 410 chỉ tiêu (khoảng 15% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh)

Trường hợp một phương thức còn thiếu chỉ tiêu do thí sinh nộp hồ sơ chưa đủ, trường có thể điều chỉnh chỉ tiêu còn thiếu sang phương thức còn lại (đảm bảo không ảnh hưởng đến quyền lợi, sự công bằng của thí sinh trong đợt xét tuyển).

5) Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận đăng ký xét tuyển

Tùy theo từng phương thức tuyển sinh, trường nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển với ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào và các điều kiện như sau:

5.1) Phương thức 1: Xét tuyển trên kết quả Kỳ thi Trung học phổ thông quốc gia

Trường xét tuyển các ngành, nhóm ngành tuyển sinh bậc đại học (trừ 3 ngành Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ họa, Thiết kế nội thất) với kết quả điểm của các thí sinh đã tham dự kỳ thi trung học phổ thông quốc gia (THPT) năm 2017 và các tổ hợp môn thi xét tuyển do Hội đồng tuyển sinh trường quyết định theo quy định của Bộ GDĐT. Mức điểm tối thiểu nhận hồ sơ xét tuyển là từ bằng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Bộ GDĐT quy định trở lên. Thí sinh xem các tổ hợp môn xét tuyển tại Mục II Khoản 6 của Đề án tuyển sinh này.

5.2) Phương thức 2: Xét tuyển trên Kết quả học tập (Học bạ) Trung học phổ thông

Trường xét tuyển các ngành, nhóm ngành tuyển sinh bậc đại học (trừ 3 ngành Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ họa, Thiết kế nội thất) với điểm trung bình cộng các môn học trong

cả năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12. Mức điểm tối thiểu nhận hồ sơ xét tuyển là điểm trung bình cộng các môn học cả năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 đạt từ 6,0 điểm trở lên (làm tròn đến một số thập phân).

Ngoài ra, đối với ngành Toán ứng dụng, thí sinh xét tuyển phải có thêm điểm trung bình cộng 5 học kỳ (gồm học kỳ 1, 2 lớp 10, 11 và học kỳ 1 lớp 12 – gọi chung là 5 học kỳ) của môn Toán phải đạt từ 7,0 điểm trở lên; ngành Ngôn ngữ Anh, thí sinh xét tuyển phải có thêm điểm trung bình cộng 5 học kỳ của môn Tiếng Anh phải đạt từ 6,0 điểm trở lên. Công thức tính điểm trung bình cộng 5 học kỳ của môn (điểm làm tròn đến một số thập phân):

$$\text{Điểm trung bình cộng 5 HK của môn} = (\text{Điểm TB HK1 lớp 10} + \text{Điểm TB HK2 lớp 10} + \text{Điểm TB HK1 lớp 11} + \text{Điểm TB HK2 lớp 11} + \text{Điểm TB HK1 lớp 12}) / 5$$

5.3) Phương thức 3: Xét tuyển trên các điều kiện theo yêu cầu của trường

Các thí sinh có điểm trung bình cộng các môn học cả năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 đạt từ 6,0 điểm trở lên (làm tròn đến một số thập phân) và có một trong các điều kiện theo yêu cầu của trường (tùy theo ngành, nhóm ngành) đều có thể nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển. Một trong các điều kiện chi tiết như sau:

a) Đối với các ngành, nhóm ngành tuyển sinh bậc đại học, trừ 3 ngành *Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ họa, Thiết kế nội thất*

- Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế như IELTS (academic) đạt từ 6.0 điểm trở lên hoặc TOEFL iBT đạt từ 80 điểm trở lên.
- Bằng tốt nghiệp cao đẳng hệ chính quy trở lên hoặc tương đương theo quy định của Bộ GDĐT.
- Bằng trung cấp chuyên nghiệp (TCCN) hệ chính quy (hoặc tương đương theo quy định của Bộ GDĐT) loại khá trở lên của cùng ngành hoặc ngành gần với ngành đăng ký xét tuyển (để lựa chọn và tạo điều kiện cho thí sinh đã có kiến thức chuyên môn vào học tại trường). *Điều kiện này không xét tuyển đối với nhóm ngành Công nghệ thông tin và truyền thông.*
- Điểm trung bình cộng 5 học kỳ (HK) của môn Hóa học hoặc Sinh học phải đạt từ 8,0 điểm trở lên *dành cho ngành Công nghệ thực phẩm, nhóm ngành Môi trường.*
- Điểm trung bình cộng 5 học kỳ (gồm học kỳ 1, 2 lớp 10, 11 và học kỳ 1 lớp 12 – gọi chung là 5 học kỳ) của môn Toán phải đạt từ 8,0 điểm trở lên *dành cho ngành Toán ứng dụng, nhóm ngành Công nghệ thông tin và truyền thông.*
- Một trong các chứng chỉ quốc tế hoặc văn bằng quốc tế liên quan đến công nghệ thông tin, máy tính của các đơn vị như **Bộ Khoa học và Công nghệ, Microsoft, Cisco, NIIT, APTECH** (dành cho các ngành thuộc nhóm ngành Công nghệ thông tin và truyền thông) như sau:
 - + Chứng chỉ IT Passport/FE (Kỹ sư Công nghệ thông tin cơ bản) theo Chuẩn Công nghệ thông tin Nhật Bản do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp;
 - + Chứng chỉ DNIIT do NIIT Ấn Độ cấp;
 - + Chứng chỉ nghề nghiệp ACCP, DISM, HDSE, ITT, ACNA, CPISM do APTECH cấp;
 - + Chứng chỉ CCENT, CCT, hoặc CCNA do Cisco cấp;
 - + Hoàn tất 1 trong các bài thi 70-xxx của Microsoft.

b) Đối với 3 ngành Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ họa, Thiết kế nội thất

- Đạt giải từ khuyến khích trở lên trong các cuộc thi năng khiếu về mỹ thuật, thiết kế, hội họa do các đơn vị có uy tín trong và ngoài nước tổ chức.
- Điểm thi các môn vẽ hoặc môn Trang trí màu hoặc tương đương của các trường đại học có tổ chức thi tuyển sinh các môn năng khiếu năm 2017 đạt từ 5,0 điểm trở lên.
- Bằng trung cấp chuyên nghiệp (TCCN) hệ chính quy trở lên hoặc tương đương theo quy định của Bộ GDĐT của cùng ngành hoặc ngành gần.
- Chứng chỉ quốc tế (Advanced diploma in multimedia) do ARENA, NIIT, APTECH cấp.
- Điểm phỏng vấn năng khiếu do trường Đại học Hoa Sen tổ chức phỏng vấn trực tiếp tại trường đạt từ 60 điểm trở lên (thang điểm 100).

6) Các thông cần thiết khác để thí sinh đăng ký xét tuyển vào các ngành của trường

- Mã trường: DTH
- Các tổ hợp môn xét tuyển đối với phương thức 1:

Ngành, nhóm ngành bậc đại học	Mã ngành, nhóm ngành	Tổ hợp
▪ Toán ứng dụng	52460112	1) Toán, Vật lý, Hóa học (A00) 2) Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01) 3) Toán, Ngữ Văn, tiếng Anh (D01) 4) Toán, Tiếng Anh, Hóa học (D07) Hệ số 2 môn Toán
▪ Nhóm ngành Công nghệ thông tin và truyền thông (*)	5248	1) Toán, Vật lý, Hóa học (A00) 2) Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01) 3) Toán, Ngữ Văn, tiếng Anh (D01) 4) Toán, Tiếng Anh, Hóa học (D07)
+ Truyền thông và mạng máy tính		
+ Kỹ thuật phần mềm		
+ Công nghệ thông tin		
+ Hệ thống thông tin quản lý		
▪ Nhóm ngành Môi trường (*)	5285	1) Toán, Vật lý, Hóa học (A00) 2) Toán, Hóa học, Sinh học (B00) 3) Toán, Tiếng Anh, Hóa học (D07) 4) Toán, Tiếng Anh, Sinh học (D08)
+ Công nghệ kỹ thuật môi trường		
+ Quản lý tài nguyên và môi trường		
▪ Công nghệ thực phẩm	52540101	1) Toán, Vật lý, Hóa học (A00) 2) Toán, Hóa học, Sinh học (B00) 3) Toán, Tiếng Anh, Hóa học (D07) 4) Toán, Tiếng Anh, Sinh học (D08)
▪ Tâm lý học	52310401	1) Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01) 2) Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh (D01) 3) Toán, Tiếng Anh, Sinh học (D08) 4) Toán, Tiếng Anh, Lịch sử (D09)

Ngành, nhóm ngành bậc đại học	Mã ngành, nhóm ngành	Tổ hợp
▪ Marketing	52340115	1) Toán, Vật lý, Hóa học (A00)
▪ Kinh doanh quốc tế	52340120	2) Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01)
▪ Tài chính – Ngân hàng	52340201	3) Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh (D01)
▪ Kế toán	52340301	4) Toán, Tiếng Anh, Lịch sử (D09)
▪ Nhóm ngành Quản trị - Quản lý (*)	5234	1) Toán, Vật lý, Hóa học (A00)
+ Quản trị kinh doanh		2) Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01)
+ Quản trị nhân lực		3) Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh (D01)
+ Hệ thống thông tin quản lý		4) Toán, Tiếng Anh, Lịch sử (D09)
+ Quản trị văn phòng		
▪ Quản trị công nghệ truyền thông	52340409	1) Toán, Vật lý, Hóa học (A00)
▪ Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	52340103	2) Toán, Vật lý, Tiếng Anh (A01)
▪ Quản trị khách sạn	52340107	3) Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh (D01)
▪ Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	52340109	4) Toán, Tiếng Anh, Lịch sử (D09)
▪ Ngôn ngữ Anh	52220201	1) Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh (D01) 2) Ngữ Văn, Tiếng Anh, Lịch sử (D14) 3) Toán, Tiếng Anh, Lịch sử (D09) 4) Ngữ Văn, Tiếng Anh, Địa lý (D15) Hệ số 2 môn Tiếng Anh .
▪ Thiết kế đồ họa	52210403	Không tuyển từ kết quả thi THPT
▪ Thiết kế thời trang	52210404	
▪ Thiết kế nội thất	52210405	

(*) Đăng ký xét tuyển và xét điểm trúng tuyển theo từng nhóm ngành. Việc phân ngành của các nhóm ngành được thực hiện trong quá trình học trên cơ sở kết quả học tập và nguyện vọng của sinh viên.

➤ Xét điểm trúng tuyển đối với từng phương thức tuyển sinh dành cho các thí sinh đủ điều kiện nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển: trường sẽ thực hiện xét tuyển và quyết định điểm trúng tuyển như sau:

6.1) Phương thức 1: Xét tuyển trên kết quả Kỳ thi Trung học phổ thông quốc gia

Hội đồng tuyển sinh trường quyết định điểm trúng tuyển căn cứ trên tổng điểm của tổ hợp môn xét tuyển (gồm điểm nhân hệ số, nếu có) và điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có); lấy điểm trúng tuyển từ cao xuống cho từng ngành, nhóm ngành và điểm không thấp hơn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Bộ GDĐT quy định. Trong đó, các môn chính nhân hệ số 2 đối với các tổ hợp có xác định môn chính.

6.2) Phương thức 2: Xét tuyển trên Kết quả học tập (Học bạ) Trung học phổ thông

Hội đồng tuyển sinh trường căn cứ trên điểm điểm trung bình cộng 3 năm THPT và điểm ưu tiên (nếu có) theo quy định của Bộ GDĐT để lấy điểm trúng tuyển từ cao xuống cho từng ngành, nhóm ngành và điểm trung bình cộng các môn học cả năm lớp 10, lớp 11

và lớp 12 không thấp hơn 6,0 điểm. Công thức tính điểm xét trúng tuyển (điểm làm tròn đến một số thập phân) như sau:

$$\text{Điểm xét trúng tuyển} = (\text{Điểm TB lớp 10} + \text{Điểm TB lớp 11} + \text{Điểm TB lớp 12} + \text{Điểm ưu tiên, nếu có})/3$$

6.3) Phương thức 3: Xét tuyển trên các điều kiện theo yêu cầu của trường

Các thí sinh đủ điều kiện nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển (có điểm trung bình cộng các môn học cả năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 đạt từ 6,0 điểm trở lên) được trúng tuyển nếu đạt một trong các điều kiện theo yêu cầu của trường (tùy theo ngành, nhóm ngành) như sau:

a) Đối với các ngành, nhóm ngành tuyển sinh bậc đại học (trừ 3 ngành Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ họa, Thiết kế nội thất)

- Có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế như IELTS (academic) đạt từ 6.0 điểm trở lên hoặc TOEFL iBT đạt từ 80 điểm trở lên.
- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng hệ chính quy trở lên hoặc tương đương theo quy định của Bộ GDĐT.
- Có bằng trung cấp chuyên nghiệp (TCCN) hệ chính quy (hoặc tương đương theo quy định của Bộ GDĐT) loại khá trở lên của cùng ngành hoặc ngành gần với ngành đăng ký xét tuyển (để lựa chọn và tạo điều kiện cho thí sinh đã có kiến thức chuyên môn vào học tại trường). Không xét tuyển đối với nhóm ngành Công nghệ thông tin và truyền thông.
- Có điểm trung bình cộng 5 học kỳ (gồm học kỳ 1, 2 lớp 10, 11 và học kỳ 1 lớp 12 – gọi chung là 5 học kỳ) của môn Toán phải đạt từ 8,0 điểm trở lên dành cho ngành Toán ứng dụng, nhóm ngành Công nghệ thông tin và truyền thông.
- Có điểm trung bình cộng 5 học kỳ (HK) của môn Hóa học hoặc Sinh học phải đạt từ 8,0 điểm trở lên dành cho ngành Công nghệ thực phẩm, nhóm ngành Môi trường.
- Có một trong các chứng chỉ quốc tế hoặc văn bằng quốc tế liên quan đến công nghệ thông tin, máy tính của các đơn vị như **Bộ Khoa học và Công nghệ, Microsoft, Cisco, NIIT, APTECH** (dành cho các ngành thuộc nhóm ngành Công nghệ thông tin và truyền thông) như sau:
 - + Chứng chỉ IT Passport/FE (Kỹ sư Công nghệ thông tin cơ bản) theo Chuẩn Công nghệ thông tin Nhật Bản do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp;
 - + Chứng chỉ DNIIT do NIIT Ấn Độ cấp;
 - + Chứng chỉ nghề nghiệp ACCP, DISM, HDSE, ITT, ACNA, CPISM do APTECH cấp;
 - + Chứng chỉ CCENT, CCT, hoặc CCNA do Cisco cấp;
 - + Hoàn tất 1 trong các bài thi 70-xxx của Microsoft.

b) Đối với 3 ngành Thiết kế thời trang, Thiết kế đồ họa, Thiết kế nội thất

- Đạt giải từ khuyến khích trở lên trong các cuộc thi năng khiếu về mỹ thuật, thiết kế, hội họa do các đơn vị có uy tín trong và ngoài nước tổ chức.
- Có điểm thi các môn vẽ hoặc môn Trang trí màu hoặc tương đương của các trường đại học có tổ chức thi tuyển sinh các môn năng khiếu năm 2017 đạt từ 5,0 điểm trở lên.
- Có bằng trung cấp chuyên nghiệp (TCCN) hệ chính quy trở lên hoặc tương đương theo quy định của Bộ GDĐT của cùng ngành hoặc ngành gần.

- Chứng chỉ quốc tế (Advanced diploma in multimedia) do ARENA, NIIT, APTECH cấp.
- Có điểm phỏng vấn năng khiếu do trường Đại học Hoa Sen tổ chức phỏng vấn trực tiếp tại trường đạt từ 60 điểm trở lên (thang điểm 100).

(*) **Phỏng vấn năng khiếu**

Trường tổ chức phỏng vấn năng khiếu trực tiếp từng thí sinh. Khi đến phỏng vấn, thí sinh mang theo giấy chứng minh nhân dân để nhận diện và tác phẩm do chính mình thực hiện (ví dụ: tuyển tập nghệ thuật, portfolio), các hồ sơ liên quan đến năng khiếu của thí sinh (nếu có) để minh chứng cho Ban phỏng vấn khi phỏng vấn.

Thời gian phỏng vấn khoảng 15 phút đối với thí sinh có mang theo tác phẩm của mình, 45 phút đối với thí sinh không có tác phẩm của mình mà vẽ trực tiếp trong buổi phỏng vấn (thời gian vẽ 30 phút) theo chủ đề do Ban phỏng vấn yêu cầu.

Ban chuyên môn có tối thiểu 2 giảng viên/nhóm phỏng vấn do Khoa chuyên môn đề cử cho Hội đồng tuyển sinh trường. Ban phỏng vấn sẽ đánh giá và chấm điểm (thang điểm 100) về kiến thức, kỹ năng thiết kế, năng khiếu nghệ thuật có thể học các ngành thiết kế và động cơ học tập của thí sinh. Ban chuyên môn của trường tổ chức phỏng vấn theo các tiêu chí, quy định được Hội đồng tuyển sinh của trường thông qua.

Thí sinh được hẹn lịch phỏng vấn trực tiếp khi thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển vào trường. Thời điểm phỏng vấn sẽ thực hiện trong thời gian nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển các đợt hoặc theo đợt phỏng vấn do Hội đồng tuyển sinh quyết định (tùy theo số lượng thí sinh nộp hồ sơ).

➤ Điểm xét của các tổ hợp môn xét tuyển là như nhau. Trường hợp nhiều thí sinh có cùng tổng điểm xét tuyển và vượt chỉ tiêu tuyển sinh của ngành, nhóm ngành và trường, trường sẽ ưu tiên xét các thí sinh cùng tổng điểm có điểm môn thi của từng tổ hợp theo các tiêu chí phụ như sau:

- + Các tổ hợp A01, D01, D03, D07, D08, D09: ưu tiên 1 môn Tiếng Anh hoặc Tiếng Pháp, ưu tiên 2 môn Toán nếu có nhiều thí sinh cùng điểm ưu tiên 1, vượt chỉ tiêu ngành, nhóm ngành và trường.
- + Các tổ hợp D14, D15: ưu tiên môn Tiếng Anh.
- + Các tổ hợp A00, B00: ưu tiên môn Toán.

➤ Theo quy chế tuyển sinh đại học, trường có sử dụng điểm thi tốt nghiệp THPT được bảo lưu theo quy định tại Quy chế xét công nhận tốt nghiệp của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngoài ra, trường không sử dụng kết quả miễn thi môn ngoại ngữ của thí sinh trong kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia để tính điểm xét tuyển vào trường.

7) Tổ chức tuyển sinh

7.1) Thời gian tuyển sinh

- Thời gian nộp hồ sơ xét tuyển như sau (Lịch tuyển sinh chính thức của từng đợt sẽ thông tin trong thông báo tuyển sinh của trường. Tùy tình hình tuyển sinh các đợt của trường, Hội đồng tuyển sinh sẽ quyết định các ngành, chỉ tiêu cho các đợt tiếp theo nếu còn chỉ tiêu):

- Đối với phương thức 1 (theo phương thức xét tuyển từ kết quả thi THPT quốc gia):
- + Đợt 1: theo mốc thời gian quy định chung của Bộ GDĐT và kết thúc trước ngày 23/07/2016

- + Bổ sung đợt 1: từ ngày 13/8/2017 đến ngày 18/8/2017
- + Bổ sung đợt 2: từ ngày 25/8/2017 đến ngày 30/8/2017 và các đợt bổ sung khác do Hội đồng tuyển sinh của trường quyết định nếu còn chỉ tiêu tuyển sinh năm 2017.
 - Đối với phương thức 2,3 (theo phương thức riêng của trường):
- + Đợt 1: từ ngày 01/4/2017 đến ngày 15/6/2017
- + Đợt 2: từ ngày 07/7/2017 đến ngày 28/7/2017
- + Đợt 3: từ ngày 01/8/2017 đến ngày 18/8/2017
- + Đợt 4: từ ngày 21/8/2017 đến ngày 30/8/2017, và các đợt bổ sung khác do Hội đồng tuyển sinh của trường quyết định nếu còn chỉ tiêu tuyển sinh năm 2017.
- Thí sinh xét tuyển sẽ nhận kết quả xét tuyển và làm hồ sơ nhập học vào các đợt theo thông báo/thư báo của trường.

7.2) Hình thức nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển

Thí sinh đăng ký hồ sơ xét tuyển trực tuyến hoặc trực tiếp tại trường hoặc qua đường bưu điện (trường căn cứ thời gian trên dấu bưu điện để xác định tính hợp lệ của hồ sơ) cho trường theo đúng thời gian quy định. Đối với thí sinh sử dụng kết quả thi THPT quốc gia để xét tuyển đợt 1, thí sinh nộp phiếu đăng ký xét tuyển cùng với hồ sơ đăng ký dự thi THPT quốc gia theo quy định của Sở GDĐT kèm theo lệ phí đăng ký xét tuyển.

Riêng các phương thức 2 và 3, sau khi thí sinh đăng ký tài khoản, thông tin xét tuyển trực tuyến trên trang điện tử của trường, thí sinh sẽ nhận được một mã hồ sơ đăng ký xét tuyển. Thí sinh sử dụng mã hồ sơ này để nộp xét hồ sơ xét tuyển (hardcopy) cho trường qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp để trường đối chiếu hồ sơ; tổ chức phỏng vấn (đối với điều kiện điểm phỏng vấn nêu tại phương thức 3.b). Thí sinh đăng nhập vào hệ thống của trường bằng tài khoản đã đăng ký để theo dõi/cập nhật tình trạng hồ sơ đăng ký xét tuyển.

7.3) Hồ sơ đăng ký xét tuyển

- Phiếu đăng ký xét tuyển vào trường Đại học Hoa Sen (đăng ký trực tuyến, theo mẫu).
- Bản photo học bạ 3 năm THPT (nếu xét tuyển theo phương thức có sử dụng học bạ)
- Bản photo hồ sơ minh chứng (đối với các phương thức có yêu cầu điều kiện cần đạt);
- Giấy chứng nhận ưu tiên theo quy chế tuyển sinh (nếu có thay đổi chế độ ưu tiên so với hồ sơ đăng ký dự thi THPT quốc gia đối với phương thức 1 hoặc xét tuyển theo phương thức còn lại).
- Bản photo Giấy chứng tốt nghiệp THPT tạm thời hoặc bằng tốt nghiệp THPT; bằng tốt nghiệp TCCN, cao đẳng, chứng chỉ quốc tế/văn bằng quốc tế tương ứng với từng điều kiện của phương thức xét tuyển mà thí sinh đăng ký (nếu xét tuyển theo phương thức có sử dụng học bạ THPT, theo yêu cầu của trường).

7.4) Địa điểm nộp hồ sơ

Thí sinh đăng ký hồ sơ xét tuyển cho trường theo địa điểm như sau:

- Trực tuyến: tại đường dẫn <http://xettuyen.hoasen.edu.vn>
- Trực tiếp (và liên hệ tư vấn, hỗ trợ, giải đáp thắc mắc liên quan đến việc tổ chức xét tuyển của trường): Bộ phận Tư vấn Tuyển sinh (tầng trệt), Trường Đại học Hoa Sen, số 8 Nguyễn Văn Tráng, Q.1, TP.HCM. Điện thoại: (08) 7309.1991 (số nội bộ 11400). Email: tuyensinh@hoasen.edu.vn.

- Chuyển phát nhanh qua bưu điện (trên bì thư ghi rõ “Hồ sơ xét tuyển”): Phòng Đào tạo, Trường Đại học Hoa Sen, số 8 Nguyễn Văn Tráng, Q.1, TP.HCM.

8) Chính sách ưu tiên

Trường thực hiện theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy do Bộ GD&ĐT ban hành về ưu tiên đối tượng, khu vực, xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng đối với các phương thức xét tuyển trên kết quả kỳ thi THPT quốc gia.

9) Lệ phí xét tuyển

Thực hiện theo quy định của liên Bộ Tài chính - Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành. Lệ phí xét tuyển là 30.000 đồng/hồ sơ xét tuyển.

10) Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình đăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

Trong 4 năm liền vừa qua, trường Đại học Hoa Sen không tăng học phí đối với các khóa tuyển sinh mới và các khóa đang học. Học phí được qui định cho toàn bộ khóa học vào đầu mỗi khóa học. Học phí một năm học được tính theo biên độ 12 tháng. Học phí từng học kỳ sẽ không giống nhau, phụ thuộc vào việc lựa chọn đăng ký môn học và lộ trình học của sinh viên.

Học phí năm 2017 ước lượng theo tháng như sau:

- Chương trình Tiếng Việt: từ 3.600.000 đồng đến 3.900.000 đồng/tháng
- Chương trình Tiếng Anh: từ 4.000.000 đồng đến 4.300.000 đồng/tháng

- Ngành Thiết kế đồ họa, Thiết kế nội thất, Kỹ thuật phần mềm, Công nghệ thông tin, Truyền thông mạng máy tính, Quản trị công nghệ truyền thông, Quản trị khách sạn^(*), Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống^(*), Công nghệ thực phẩm, Tâm lý học, Quản trị văn phòng: từ 3.600.000 đồng đến 4.000.000 đồng/tháng

- Ngành Thiết kế thời trang: từ 4.900.000 đồng đến 5.000.000 đồng/tháng

^(*) Riêng chương trình đào tạo Ngành Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống khóa 2017 tăng cường thêm môn chuyên ngành học bằng tiếng Anh, học phí khóa học tính theo lộ trình học kỳ cuối làm khóa luận tốt nghiệp hoặc thực tập tốt nghiệp, trường hợp SV chọn học 3 môn thay thế tốt nghiệp thì tổng số môn học chuyên ngành bằng tiếng Anh là 13 môn thuộc diện vượt ngoài khung học phí của khóa học khoảng 11 triệu đồng.

Chính sách khuyến học chung tiếp tục áp dụng cho khóa 2017: Miễn giảm 20% học phí môn học giảng dạy bằng tiếng Anh (mã DE) không bao gồm môn chuyên ngành của ngành Tiếng Anh (mã ANH) và 20% học phí các cấp độ anh văn dự bị.

Ngoài ra, trường đã công bố 130 suất học bổng tuyển sinh với tổng giá trị lên đến 8 tỷ 150 triệu đồng và chương trình học bổng 300 dành cho thí sinh tham gia xét tuyển vào trường trong năm 2017. Các thông tin chi tiết về học bổng được đăng trên trang thông tin điện tử của trường.

11) Công tác kiểm tra và giải quyết các khiếu nại, tố cáo liên quan

Trường công bố công khai các thông tin xét tuyển và danh sách thí sinh trúng tuyển vào trường. Đồng thời, trường có kiểm soát quá trình tuyển sinh của trường nhằm đảm bảo Hội đồng tuyển sinh, các Ban giúp việc thực hiện đúng với đề án đã công bố công khai, đảm bảo minh bạch. Sau khi kết thúc hồ sơ nhập học, Phòng Kiểm soát nội bộ và thanh tra của trường sẽ tiến hành hậu kiểm các hồ sơ.

Nơi tiếp nhận thông tin, bằng chứng về các tiêu cực, sai phạm trong công tác tuyển sinh của trường:

- Hội đồng tuyển sinh của trường. (email: hiep.luutien@hoasen.edu.vn)
- Phòng Kiểm soát nội bộ và thanh tra. (email: binh.vuthai@hoasen.edu.vn)

Trách nhiệm của người tố cáo các hiện tượng tiêu cực là phải có bằng chứng cụ thể và được xác minh về tính chính xác, không được lợi dụng việc làm đó để gây ảnh hưởng tiêu cực đến việc xét tuyển của trường.

Các cá nhân và tổ chức tiếp nhận thông tin tố cáo phải bảo vệ nguyên trạng bằng chứng và xác minh tính xác thực của thông tin; xác minh tính xác thực của thông tin và bằng chứng; đồng thời triển khai kịp thời các biện pháp ngăn chặn tiêu cực kịp thời và xử lý thích hợp. Hiệu trưởng sẽ xử lý kỷ luật theo quy định, nếu có xác định tiêu cực, vi phạm quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT.

III. Điều kiện đảm bảo chất lượng

1) Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

Trường Đại học Hoa Sen hiện có 2 cơ sở chính và 3 cơ sở hợp đồng thuê dài hạn với cơ sở hạ tầng hiện đại, tạo môi trường tiện ích cho giảng viên, nhân viên và sinh viên có điều kiện giảng dạy, học tập và làm việc tối ưu.

Thư viện của trường có diện tích 1100 m², diện tích phòng đọc 1040 m² với 400 chỗ ngồi, gồm 3 phòng đọc sách tại các cơ sở Quang Trung, Tân Viên, Nguyễn Văn Tráng. Ngoài các bản sách, sách điện tử, tạp chí, còn nguồn tài liệu điện tử trên website thư viện như: CSDL ProQuest, SpringerLink, SagePub và các cơ sở dữ liệu nguồn mở (IMF, Hinari, Agora, World Wide Science...).

Các thống kê diện tích đất, xây dựng, các phòng thực hành, học liệu cụ thể như sau:

1.1) Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng

- Tổng diện tích đất của trường: 1,1002 ha
- Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường: 31.916 m²

1.2) Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	TÊN PHÒNG	CÁC TRANG THIẾT BỊ CHÍNH
1	Phòng thực hành họa thất (5 phòng)	Bàn ghế họa thất, máy chiếu, loa, máy vi tính, bảng, tủ chuyên dùng
2	Phòng thực hành thiết kế nội thất	Máy khoan, máy bắn vít, máy cưa lọng, máy cắt bàn, máy mài, máy bơm hơi, máy chiếu, bàn thực hành, tủ chuyên dụng, Ê tô, súng bắn đinh súng bắn hơi
3	Phòng thực hành máy vi tính (22 phòng)	Máy vi tính, bàn, ghế, bảng
4	Phòng thực hành giáo dục thể chất (3 phòng)	Trang thiết bị tập võ, bàn tập bóng bàn
5	Phòng thực hành du lịch	Máy chiếu, bảng, bàn, ghế
6	Phòng thực hành nhà hàng khách sạn (4 phòng)	Hệ thống bếp, nồi, máy chiếu, giường, tủ, bảng, quầy bar, bàn, ghế

TT	TÊN PHÒNG	CÁC TRANG THIẾT BỊ CHÍNH
7	Phòng thí nghiệm khoa học công nghệ (2 phòng)	Bàn thí nghiệm, máy đo bụi, máy đo PH, máy đo độ phèn Jartes, máy lắc, máy ly tâm, máy thổi khí, tủ sấy, cân kỹ thuật, bể cách thủy, GPS, bộ đo đa chỉ tiêu cầm tay, bơm định lượng, bộ bơm - hút chân không, bộ công phá COD, kính hiển vi, Bộ lọc carbon, cân phân tích, cân kỹ thuật, máy bơm, máy quang phổ, máy đo khí hậu, máy đo cường độ âm thanh, Micropipette, máy khuấy từ
8	Phòng thực hành thiết kế thời trang (2 phòng)	Máy may, máy vắt sỏ, máy chiếu, Mannequin
9	Phòng thực hành truyền thông - nghe nhìn, studio (2 phòng)	Ampli, loa, headphone, máy quay phim, máy chụp hình, máy chiếu, laptop, máy thu âm, bảng, ghế
10	Phòng thực hành quản trị văn phòng	Thiết bị văn phòng (máy in, Fax, điện thoại bàn...), Tivi, máy chiếu, bàn ghế làm việc.
11	Phòng Thực hành máy tính IMac (2 phòng)	Máy vi tính IMac, máy chiếu, bàn, ghế, bảng

1.3) Thống kê phòng học

TT	TÊN PHÒNG	SỐ LƯỢNG
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	0
2	Phòng học từ 100 – 200 chỗ	3
3	Phòng học từ 50-100 chỗ	51
4	Số phòng học dưới 50 chỗ	69
5	Số phòng học đa phương tiện	2

1.4) Thống kê về học liệu trong thư viện

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng
1	Khối ngành I	-
2	Khối ngành II	454
3	Khối ngành III	22518
4	Khối ngành IV	-
5	Khối ngành V	7943
6	Khối ngành VI	-
7	Khối ngành VII	19346
	Tổng cộng	50261

2) Danh sách giảng viên cơ hữu

Phần lớn các giảng viên cơ hữu của trường được đào tạo từ nước ngoài, giảng dạy theo đúng chuyên ngành đã được đào tạo và luôn sẵn sàng đồng hành cùng sinh viên trong quá trình học tập, nghiên cứu khoa học cũng như tiếp cận với môi trường làm việc thực tế tại doanh nghiệp qua hai đợt thực tập nhận thức và tốt nghiệp. Vì thế, sinh viên Hoa Sen có nhiều thuận lợi khi tiếp xúc với doanh nghiệp cũng như thu hút được sự chú ý của các nhà tuyển

dụng. Danh sách giảng viên cơ hữu hiện tại của trường theo nhóm ngành được đính kèm theo Đề án tuyển sinh này (Phụ lục).

IV. Tình hình việc làm

Với triết lý đào tạo “thực học- thực làm”, trường Đại học Hoa Sen đã đào tạo ra những thế hệ sinh viên có năng lực đáp ứng cho nhu cầu lao động ngày càng khắt khe của tổ chức và doanh nghiệp. Trong giai đoạn trước những năm 2012, tỷ lệ tân khoa có việc làm ngay khi tốt nghiệp luôn đạt tỷ lệ trên 90% qua các năm, điển hình như năm 2009 với tỷ lệ là 90.67%, năm 2010 là 94.82%, năm 2011 là 92.92%. Năm 2012, tình hình kinh tế khó khăn, nhu cầu lao động của Tp.HCM và toàn quốc giảm sút nghiêm trọng, tỷ lệ này tại trường Đại học Hoa Sen là hơn 80%. Đến kỳ tốt nghiệp tháng 06/2013 (đợt 1 của năm 2013) tỷ lệ này giảm xuống chỉ còn 57.76%. Đây cũng là thời điểm nền kinh tế suy thoái sâu nhất và thị trường lao động cũng chứng kiến tỷ lệ thất nghiệp cao nhất. Năm 2016, theo số liệu thống kê tình hình sinh viên tốt nghiệp có nhu cầu việc làm và tình hình có việc làm của sinh viên ngay sau khi tốt nghiệp như sau:

Nhóm ngành	Chỉ tiêu TS của khóa đã tốt nghiệp		Số SV trúng tuyển nhập học của khóa đã tốt nghiệp		Số SV tốt nghiệp trước năm tuyển sinh (2016)		Trong đó số SV tốt nghiệp đã có việc làm	
	ĐH khóa 2012	CĐSP	ĐH khóa 2012	CĐSP	ĐH	CĐSP	Số lượng	Tỷ lệ ¹
Nhóm ngành I	-	-	-	-	-	-	-	-
Nhóm ngành II	120	-	119	-	29	-	20	95.2%
Nhóm ngành III	1460	-	1385	-	640	-	412	79.8%
Nhóm ngành IV	-	-	-	-	-	-	-	-
Nhóm ngành V	260	-	170	-	103	-	73	84,9%
Nhóm ngành VI	-	-	-	-	-	-	-	-
Nhóm ngành VII	160	-	172	-	97	-	62	74.7%
Tổng	2000	-	1846	-	869	-	567	80.3%

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

Lưu Tiến Hiệp

¹ Tỷ lệ việc làm được tính theo số SV có việc làm trên tổng số SV có nhu cầu đi làm tại thời điểm tốt nghiệp.

PHỤ LỤC

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN CƠ HỮU

(Đính kèm theo Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2017
của trường Đại học Hoa Sen)

Họ và tên (xếp theo nhóm ngành)	Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất			
	PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH
Nhóm ngành II						
Broun Nathalie			x			
Đinh Thị Hải Yến			x			
Elmer Ferrer Cierva			x			
Phan Thị Kiều My			x			
Trần Thanh Cảnh			x			
Trần Việt Ngạc			x			
Đào Thị Ngọc Mai				x		
Hồ Diệp Thụy Vũ				x		
La Thị Tuyết Mai				x		
Lê Kim Thủy				x		
Lê Trọng Nhân				x		
Lê Xuân Giang				x		
Ngô Ngọc Thuyên				x		
Nguyễn Thị Diệp- DTCN				x		
Nguyễn Việt Cường				x		
Phạm Thị Thanh Tâm				x		
Phan Bảo Châu				x		
Thái Thị Thanh Thủy				x		
Tô Thị Anh Nguyên				x		
Trần Nguyễn Hải Ngân				x		
Trần Thị Thanh Hương				x		
Trần Thị Thanh Nhã				x		
Trần Thị Trường Thi				x		
Từ Phú Đức				x		
Vũ Thị Hoàng Yến				x		
Nguyễn Đình Tuấn	x				x	
Trần Bút	x				x	
Trần Vũ Bình					x	
<i>Tổng của nhóm ngành</i>	<i>2</i>	<i>0</i>	<i>6</i>	<i>19</i>	<i>3</i>	<i>0</i>
Nhóm ngành III						
Bùi Thị Thúy Quyên			x			
Cao Văn Thọ			x			
Đặng Thị Mai Phương			x			
Đinh Thị Anh Lan			x			
Đỗ Thị Kim Quyên			x			

Họ và tên (xếp theo nhóm ngành)	Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất			
	PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH
Đỗ Thị Thắm			x			
Dương Tố Hương			x			
Hồ Thụy Hương Thủy			x			
Huỳnh Thị Bảo Yến			x			
Huỳnh Thị Cẩm Linh			x			
Lê Đức Hòa			x			
Lê Duy Ngọc			x			
Lê Hữu Sơn			x			
Lê Kim Bình			x			
Lê Thanh Sơn			x			
Lê Thị Như Thùy			x			
Lê Trần Hoàng Duy			x			
Lương Thị Thương			x			
Mai Thị Mỹ Hào			x			
Ngô Hùng Dũng			x			
Nguyễn Bảo Giang			x			
Nguyễn Đình Minh Đức			x			
Nguyễn Lê Na			x			
Nguyễn Nam Phương			x			
Nguyễn Thị Mỹ Trang			x			
Nguyễn Thị Quế Chi			x			
Nguyễn Thị Thanh Nguyên			x			
Nguyễn Thị Trúc Hương			x			
Nguyễn Thị Vân			x			
Nguyễn Thu Quỳnh Trang			x			
Phạm Mai Phương			x			
Phạm Nguyễn Thanh Thảo			x			
Phạm Thị Hồng Ngọc			x			
Phạm Thị Hồng Thắm			x			
Phạm Thuýên			x			
Phan Thị Duyên			x			
Phan Văn Giang			x			
Phùng Úc My			x			
Trần Thị Anh			x			
Trần Thị Hoàng Phương			x			
Trần Thị Mai			x			
Trần Thị Mỹ Quyên			x			
Trần Thị Ngọc Oanh			x			
Trần Văn Long			x			
Võ Minh Hiệp			x			
Võ Thị Thu Hà- NNVH			x			

Họ và tên (xếp theo nhóm ngành)	Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất			
	PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH
Vũ Ánh Dương			x			
Vũ Trung Hương Giang			x			
Vũ Xuân Thành			x			
Vương Ngọc Tiền			x			
Bùi Ngọc Lê				x		
Bùi Nguyễn Hùng Sơn				x		
Bùi Phương Uyên				x		
Bùi Thị Hương Quỳnh				x		
Bùi Trân Thúy				x		
Cao Thiên Ái Nương				x		
Châu Tấn Lực				x		
Đặng Thị Thu Hằng				x		
Đặng Trương Thùy Anh				x		
Đào Duy Tân				x		
Đào Thị Hải				x		
Đình Thanh Lan				x		
Đình Thị Lợi				x		
Đỗ Sỹ Cường				x		
Đỗ Thị Hồng Hà				x		
Đỗ Thị Lệ Thu				x		
Đỗ Thị Mai Đoan Thục				x		
Đỗ Thị Trà My				x		
Đỗ Trọng Danh				x		
Đoàn Duy Thái Lâm				x		
Đoàn Thị Minh Thoa				x		
Dương Đình Quốc				x		
Hà Đình Tùng				x		
Hà Lê Thùy Dương				x		
Hồ Sỹ Tuy Đức				x		
Hồ Trung Chánh				x		
Hồ Trung Thảo				x		
Hoàng Huy Thông				x		
Hồng Nguyễn Thanh Tâm				x		
Huỳnh Kim Long				x		
Huỳnh Thị Ngọc Sương				x		
Huỳnh Thị Thùy Dương				x		
Huỳnh Thị Xuân Linh				x		
Huỳnh Thiện Quốc Việt				x		
John B. Bayarong				x		
Lâm Quốc Dũng				x		
Lâm Thị Thanh Vân				x		

Họ và tên (xếp theo nhóm ngành)	Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất			
	PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH
Lê Anh Chung				x		
Lê Ánh Thùy				x		
Lê Đào Thanh Bình An				x		
Lê Hoàng Phương Linh				x		
Lê Hữu Đức				x		
Lê Minh Phương				x		
Lê Minh Thành				x		
Lê Ngọc Đức				x		
Lê Ngọc Hải				x		
Lê Thị Anh Thu- DTCN				x		
Lê Thị Anh Thu- KTTM				x		
Lê Thị Bích Thảo				x		
Lê Thị Hà				x		
Lê Thị Hạnh				x		
Lê Thị Minh Thủy				x		
Lê Thị Ngọc Tú				x		
Lương Trí Quân				x		
Mai Kim Thoa				x		
Mai Thế Hùng				x		
Mai Thị Thùy Trang				x		
Mai Thúy Hằng				x		
Nghiêm Tấn Phong				x		
Ngô Hữu Hùng				x		
Ngô Mạnh Duy				x		
Ngô Phước Linh Giang				x		
Ngô Thị Mỹ Lan				x		
Ngô Tuyết Diễm Khánh				x		
Nguy Thị Sao Chi				x		
Nguyễn Bá Hùng				x		
Nguyễn Chí Thu				x		
Nguyễn Dạ Thu- KTTM				x		
Nguyễn Đỗ Thanh Hà				x		
Nguyễn Đức Quyền				x		
Nguyễn Ly Anh				x		
Nguyễn Mạnh Cường				x		
Nguyễn Minh Cao Hoàng				x		
Nguyễn Minh Triết				x		
Nguyễn Mỹ Ngọc Chân				x		
Nguyễn Ngọc Diệu Thi				x		
Nguyễn Ngọc Hân				x		
Nguyễn Ngọc Phương Thành				x		

Họ và tên (xếp theo nhóm ngành)	Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất			
	PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH
Nguyễn Ngọc Quý				X		
Nguyễn Ngọc Yến Trang				X		
Nguyễn Nhật Thiếu Anh				X		
Nguyễn Phương Hoàng				X		
Nguyễn Phương Liên				X		
Nguyễn Phương Quỳnh				X		
Nguyễn Quốc Ân				X		
Nguyễn Thành Nam				X		
Nguyễn Thanh Nga				X		
Nguyễn Thanh Vân				X		
Nguyễn Thị Bê				X		
Nguyễn Thị Huỳnh Liên				X		
Nguyễn Thị Kim				X		
Nguyễn Thị Kim Lan				X		
Nguyễn Thị Như Thuận				X		
Nguyễn Thị Phương Nhung				X		
Nguyễn Thị Quỳnh Giang- NNVH				X		
Nguyễn Thị Thanh Hiền				X		
Nguyễn Thị Trúc Phương				X		
Nguyễn Thùy Giang				X		
Nguyễn Trần Hải Linh				X		
Nguyễn Trần Kiều Vân				X		
Nguyễn Trung Đức				X		
Nguyễn Trung Thành				X		
Nguyễn Tường Minh				X		
Nguyễn Văn Hiến				X		
Nguyễn Văn Kiên				X		
Nguyễn Văn Pháp				X		
Phạm Minh Luân				X		
Phạm Nhật Bảo Quyên				X		
Phạm Thái Kỳ Trung				X		
Phạm Thị Dung				X		
Phạm Thị Huệ				X		
Phạm Thị Kim Ngôn				X		
Phạm Thị Thu Hà				X		
Phạm Thị Thủy				X		
Phạm Tường Linh				X		
Phạm Văn Minh				X		
Phạm Xuân Thành				X		
Phan Đình Thế Huân				X		

Họ và tên (xếp theo nhóm ngành)	Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất			
	PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH
Phan Minh Tuấn				X		
Phan Ngọc Tâm Đan				X		
Phùng Thái Minh Trang				X		
Phùng Thế Vinh				X		
Quách Văn Hà				X		
Tô Thị Tú Trang				X		
Trần Anh Tùng				X		
Trần Bảo Thành				X		
Trần Hà Mai Ly				X		
Trần Linh Đăng				X		
Trần Ngọc Anh Khoa				X		
Trần Quang Sáu				X		
Trần Thị Hoàng Vi				X		
Trần Thị Minh Hương				X		
Trần Thị Phi Ánh				X		
Trần Thị Thu Hiền				X		
Trần Thị Trúc Lan				X		
Trần Thị Tường Vi				X		
Trần Thu Hà				X		
Trần Trí Dũng				X		
Trần Việt Vương				X		
Trang Nguyễn Diễm Chi				X		
Trịnh Đình Lê Minh				X		
Trịnh Thu Nga				X		
Trương Đào Vũ Hà My				X		
Trương Hoàng Nhật				X		
Trương Lê Uyên				X		
Trương Quang Cẩm				X		
Võ Nam Tân				X		
Võ Thị Hoàng Oanh				X		
Võ Thị Nga				X		
Võ Thị Tâm Phúc				X		
Võ Thị Thu Hà- KHCN				X		
Võ Thụy Nhật Minh				X		
Võ Trần Hải Linh				X		
Vũ Văn Tấn				X		
Bùi Đức Sinh					X	
Bùi Trần Phượng					X	
Đỗ Bá Khang					X	
Đỗ Huệ Hương					X	
Đoàn Minh Châu					X	

Họ và tên (xếp theo nhóm ngành)	Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất			
	PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH
Đoàn Thị Mỹ Hạnh	x				x	
Dương Quang Hòa					x	
Hà Thị Ngọc Oanh	x				x	
Hồ Tố Phương					x	
Lê Hoàng Ngọc Yến					x	
Lê Quang Khải					x	
Lê Thị Thiên Hương					x	
Nguyễn Chí Duy Khương					x	
Nguyễn Minh Anh					x	
Nguyễn Phan Bạch Sứ					x	
Nguyễn Thanh Nam					x	
Nguyễn Thiên Phú					x	
Nguyễn Tiến Đạt					x	
Nguyễn Vũ Huy					x	
Phạm Ngọc Ánh					x	
Phạm Thị Bích Ngọc					x	
Phan Thị Nhi Hiếu					x	
Phan Thị Việt Nam					x	
Phan Võ Minh Thắng					x	
Trần Thị Út					x	
Trần Văn Dương					x	
Trần Vũ Đức					x	
Vogiatzoglou Klimis					x	
<i>Tổng của nhóm ngành</i>	<i>2</i>	<i>0</i>	<i>50</i>	<i>154</i>	<i>28</i>	<i>0</i>
Nhóm ngành V						
Đặng Công Tiên			x			
Đặng Thanh Linh Phú			x			
Lê Hồ Ngạn			x			
Lý Quang Vinh			x			
Nguyễn Vy Quỳnh			x			
Phan Hồng Trung			x			
Trần Khắc Hoàng			x			
Uông Thị Quỳnh Anh			x			
Vũ Hồng Giáp			x			
Chu Văn Thái				x		
Đình Ngọc Luyện				x		
Lê Thanh Tùng				x		
Lê Thị Cúc				x		
Lê Thị Ngọc Huyền				x		
Lộc Đức Huy				x		
Ngô Đình Ngọc Giao				x		

Họ và tên (xếp theo nhóm ngành)	Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất			
	PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH
Ngô Việt Phương				x		
Nguyễn Anh Tuấn- KHCN				x		
Nguyễn Bá Trung				x		
Nguyễn Hữu Phát				x		
Nguyễn Lê Duy				x		
Nguyễn Ngọc Như Hằng				x		
Nguyễn Ngọc Tú				x		
Nguyễn Tấn Cầm				x		
Nguyễn Thị Hà				x		
Nguyễn Thị Quỳnh Giang- KHCN				x		
Nguyễn Thị Thanh				x		
Nguyễn Thị Thanh Thanh				x		
Nguyễn Thị Thu Dự				x		
Nguyễn Thị Thu Tuyết				x		
Nguyễn Thùy Truyền				x		
Nguyễn Trần Minh Khôi				x		
Nguyễn Văn Sơn				x		
Nguyễn Vũ Ngọc Tùng				x		
Nguyễn Xuân Quỳnh Như				x		
Phạm Hồng Thanh				x		
Trang Hồng Sơn				x		
Văn Tấn Văn				x		
Đỗ Thành Lưu					x	
Hồ Hải Văn					x	
Huỳnh Minh Đức					x	
Lưu Tiến Hiệp	x				x	
Nguyễn Giao Hòa					x	
Nguyễn Minh Hằng					x	
Nguyễn Thanh Phong					x	
Nguyễn Trùng Lập					x	
Paul Man Bui Quang					x	
Phan Thế Đồng					x	
Trương Nguyễn Thành					x	
Tổng của nhóm ngành	1	0	9	29	11	0
Nhóm ngành VII						
Lê Anh Dũng			x			
Alicia Lumila Frugal				x		
Biện Thị Thanh Mai				x		
Bishop Nicholas Hugh				x		
Bùi Thị Thảo Uyên				x		

Họ và tên (xếp theo nhóm ngành)	Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất			
	PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH
Bùi Thị Thy				x		
Bùi Thị Tuyết Ngân				x		
Bùi Yên Ngọc				x		
Hoàng Thị Nam Phương				x		
Lâm Thùy Trang				x		
Lê Mộng Diễm Hằng				x		
Lữ Văn Tuấn				x		
Ngô Thị Thanh Thanh				x		
Nguyễn Lê Uyên				x		
Nguyễn Thị Hồng Nhung				x		
Nguyễn Thị Ngọc Giàu				x		
Nguyễn Thị Thanh Tâm				x		
Nguyễn Thị Thanh Thế				x		
Nguyễn Thị Thủy				x		
Nguyễn Thị Tôn Nữ Phương Linh				x		
Nguyễn Văn Chương				x		
Nhan Thanh Trang				x		
Phạm Nữ Ngọc Hân				x		
Phạm Thị Ngọc Hoa				x		
Phạm Văn Sỹ				x		
Quách Thị Tố Nữ				x		
Quách Thị Vân Trang				x		
Trần Ngọc Dung				x		
Trì Hoàng Đăng				x		
Võ Thị Kiều Loan				x		
Bùi Xuân An	x				x	
Denis Delacour Christopher					x	
Dương Hoàng Oanh					x	
Huỳnh Văn Tài					x	
Lê Xuân Quỳnh					x	
Nguyễn Phạm Duy Anh					x	
Nguyễn Thị Loan					x	
Nguyễn Thu Hương					x	
Phạm Quốc Lộc					x	
Phạm Văn Tất	x				x	
Trần Ngọc Tiến					x	
Võ Sáng Xuân Lan					x	
<i>Tổng của nhóm ngành</i>	<i>2</i>	<i>0</i>	<i>1</i>	<i>29</i>	<i>12</i>	<i>0</i>
GV các môn chung						
Hồ Thị Trinh			x			

Họ và tên (xếp theo nhóm ngành)	Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất			
	PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH
Nguyễn Hải Kỳ Phong			x			
Nguyễn Phú Cường			x			
Nguyễn Thị Điệp- GDTQ			x			
Nguyễn Việt Tuấn			x			
Phạm Hữu Thành			x			
Phan Tường Yên			x			
Vũ Hữu Trí Đăng			x			
Bùi Bảo Trung				x		
Bùi Trần Hiếu				x		
Đỗ Sỹ Huy				x		
Đỗ Thị Thanh Thủy				x		
Huỳnh Thị Bích Vân				x		
Lê Khắc Mỹ Phượng				x		
Nguyễn Dạ Thu- GDTQ				x		
Nguyễn Hoàng Chiêu Anh				x		
Nguyễn Hoàng Tuấn				x		
Nguyễn Minh Quang				x		
Nguyễn Thanh Quang				x		
Nguyễn Thanh Tùng				x		
Nguyễn Thanh Tuyên				x		
Nguyễn Thị Nhận				x		
Nguyễn Thị Thu Thủy				x		
Phạm Lệ Dung				x		
Phan Trịnh Hoàng Dạ Thi				x		
Trương Nguyễn Bảo Trân				x		
Armin Bruno Wilhelm Kuhr					x	
Đỗ Thị Bích Lài					x	
Đỗ Thị Hiện					x	
Ngô Quang Trung					x	
<i>Tổng các môn chung</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>8</i>	<i>18</i>	<i>4</i>	<i>0</i>
Tổng giảng viên toàn trường	7	0	74	249	58	0